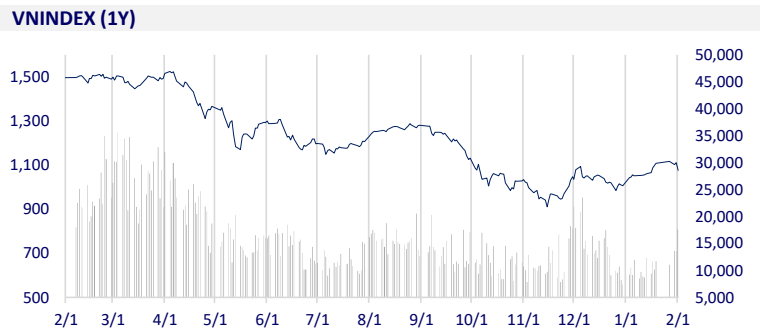
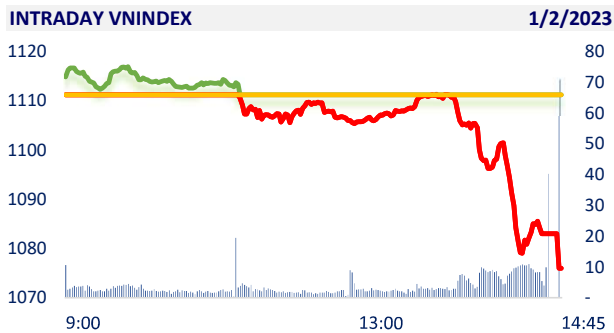
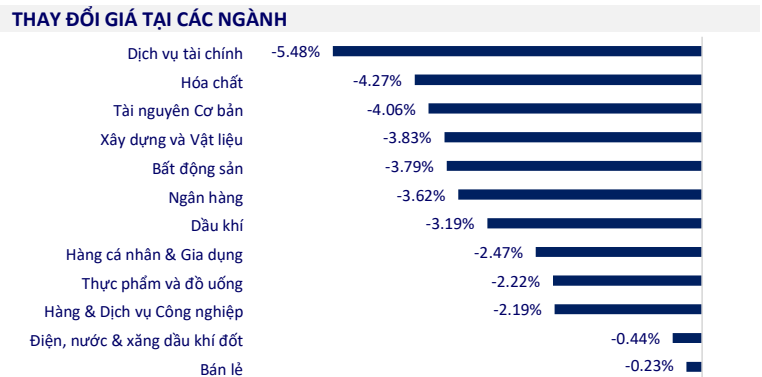


TTCK VIỆT NAM		1D	YTD
VN-INDEX	1,075.97	-3.17%	6.84%
VN30	1,088.09	-3.29%	8.25%
HNX	216.01	-2.89%	5.21%
UPCOM	74.93	-1.20%	4.58%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	131.65		
Tổng GTGD (tỷ)	20,207.90	31.18%	134.54%

Thị trường điều chỉnh mạnh trong phiên giao dịch đầu tiên của tháng 2, sự hào hứng từ đầu phiên sáng đã không được duy trì khi áp lực bán dâng lên kể từ sau 10h sáng. VN-Index giảm sâu với khối lượng khớp lệnh tăng 50% so với phiên hôm qua và đạt mức cao nhất trong vòng 2 tháng trở lại đây.



ETF & PHÁI SINH		1D	YTD
E1VFN30	18,520	-3.54%	6.87%
FUEMAV30	12,850	-2.87%	7.80%
FUESSV30	13,200	-3.72%	5.77%
FUESSV50	15,940	0.19%	13.45%
FUESSVFL	15,750	-2.30%	9.76%
FUEVFVND	23,710	-2.02%	5.85%
FUEVN100	14,170	-2.41%	9.42%
VN30F2306	1,066	-3.41%	
VN30F2303	1,074	-3.19%	
VN30F2302	1,085	-3.44%	
VN30F2301	1,089	-3.24%	



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI		1D	YTD
Nikkei	27,346.88	0.07%	4.80%
Shanghai	3,284.92	0.90%	6.33%
Kospi	2,449.80	1.02%	9.54%
Hang Seng	22,072.18	1.05%	11.58%
STI (Singapore)	3,377.65	0.36%	3.89%
SET (Thái Lan)	1685.75	0.85%	0.92%
Dầu Brent (\$/thùng)	85.53	-0.11%	-0.44%
Vàng (\$/ounce)	1,941.45	-0.05%	6.31%

Chứng khoán Hồng Kông tăng điểm bất chấp dữ liệu kinh tế kém khả quan. Nền kinh tế nước này suy giảm trong quý thứ tư liên tiếp, ở mức 4.2% hàng năm, tụt tệ hơn ước tính của các nhà kinh tế do nhu cầu toàn cầu suy yếu và lãi suất cao hơn ảnh hưởng đến xuất khẩu và chi tiêu. Đây là mức giảm sâu thứ hai kể từ quý 2 năm 2020 khi tổng sản phẩm quốc nội giảm 9.4% do COVID-19 gây thiệt hại trên toàn thế giới.

KINH TẾ VĨ MÔ		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	6.23%	3	126
Lãi suất tiết kiệm 12T	7.40%	0	0
TPCP - 5 năm	4.37%	-3	-42
TPCP - 10 năm	4.35%	-11	-55
USD/VND	23,660	0.18%	-0.42%
EUR/VND	25,970	-0.87%	1.21%
CNY/VND	3,549	0.11%	1.84%

Trong 3 phiên giao dịch đầu tiên sau kì nghỉ Tết, NHNN đã bơm ròng cho các thành viên khoảng 31,733 tỷ đồng, chủ yếu nhờ lượng lớn tín phiếu phát hành trước Tết đáo hạn. Đáng chú ý, trong 3 phiên này, NHNN không thực hiện bất kỳ giao dịch bán tín phiếu nào để hút tiền về, cho thấy động thái hỗ trợ thanh khoản của nhà điều hành.

LỊCH SỰ KIỆN

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
IJC	2/3/2023	2/6/2023		Cổ phiếu	100:16	
TDM	2/6/2023	2/7/2023	5/5/2023	Tiền mặt		1,300
MH3	2/7/2023	2/8/2023	2/28/2023	Tiền mặt		2,000
VFG	2/7/2023	2/8/2023	2/22/2023	Tiền mặt		1,000
SBD	2/7/2023	2/8/2023		Cổ phiếu	100:5.9	
SFI	2/8/2023	2/9/2023	3/8/2023	Tiền mặt		2,000
DNT	2/9/2023	2/10/2023	3/1/2023	Tiền mặt		500
ITD	2/13/2023	2/14/2023		Cổ phiếu	10:1	

TIN TỨC CHỌN LỌC

Bộ trưởng Bộ GTVT thúc tiến độ chọn thầu xây nhà ga hành khách Sân bay Long Thành;

Giá thép xây dựng tăng đột thứ ba liên tiếp trong tháng 1;

Các hãng hàng không lớn thế giới 'đổ bộ' vào Việt Nam;

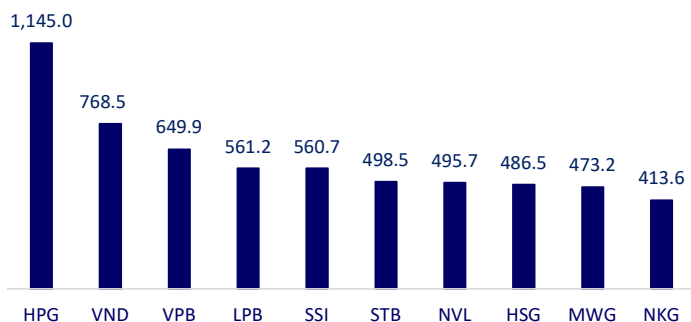
Hoạt động sản xuất của Trung Quốc tăng trưởng sau 4 tháng suy giảm;

Chi phí thương mại hàng hóa tăng cao trên toàn cầu;

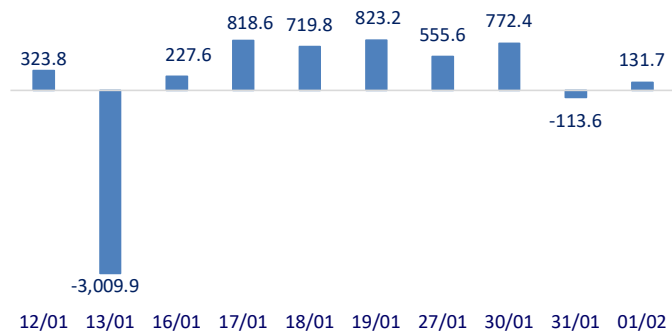
Hàn Quốc thâm hụt thương mại kỷ lục, nền kinh tế cận kề suy thoái.

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	89,100	-3.05%	-4.19%	1,711,786	1,742,961	MBB: Kết thúc năm 2022, dư nợ cho vay khách hàng đạt hơn 460 nghìn tỷ đồng, tăng 26.7% so với năm 2021, trong đó riêng ngân hàng mẹ dư nợ tăng 27.5% đạt 435 nghìn tỷ đồng. Tổng dư nợ cho vay (bao gồm cả trái phiếu doanh nghiệp) tăng trưởng 25% đạt trên 507 nghìn tỷ đồng. Tiền gửi khách hàng tăng trưởng 15.3% đạt hơn 443.6 nghìn tỷ đồng. Trong đó tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt hơn 180 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 40% trên tổng huy động vốn.
BID	42,800	-5.10%	-6.86%	3,352,618	4,021,045	
CTG	29,000	-4.92%	-6.75%	6,654,123	8,305,533	
TCB	28,200	-4.08%	-3.09%	8,600,978	10,946,149	
VPB	18,300	-5.91%	-6.15%	42,605,905	69,189,361	
MBB	18,900	-3.32%	-3.57%	22,705,205	31,215,648	
HDB	19,000	1.88%	8.57%	9,319,283	9,693,746	
TPB	23,700	-5.20%	-1.25%	28,352,065	23,564,847	
STB	25,650	-5.35%	-4.29%	23,653,523	30,385,606	
VIB	23,600	0.21%	3.06%	12,490,224	12,035,175	
ACB	25,200	-3.26%	-3.08%	5,281,904	6,621,391	
NVL	14,550	2.46%	3.56%	58,845,826	58,070,860	NVL: Cuối năm 2022, hàng tồn kho ghi nhận gần 134,485 tỷ đồng, chủ yếu đến từ việc đầu tư các dự án Aqua City, NovaWorld Phan Thiet, NovaWorld Ho Tram.
KDH	26,500	-5.36%	-3.99%	3,961,477	4,940,212	
PDR	13,900	0.36%	-1.77%	33,537,570	28,996,804	
GAS	106,600	0.28%	2.01%	1,093,063	1,462,250	PLX: Trong quý 4, Petrolimex ghi nhận doanh thu thuần lên đến gần 78,400 tỷ đồng, tăng 59% so với cùng kỳ và là mức cao thứ hai trong lịch sử hoạt động.
POW	11,950	-3.63%	-2.05%	33,471,237	32,324,151	
PLX	36,250	-1.49%	-4.61%	2,063,063	2,135,963	
VIC	55,200	-3.33%	-3.83%	2,400,325	3,676,690	VHM: Tại ngày 31/12, tổng tài sản đạt 361,203 tỷ đồng, tăng 56% so với đầu năm. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn (chiếm 21%), hàng tồn kho (chiếm 18%) và tài sản dở dang dài hạn (chiếm 17%).
VHM	48,000	-5.70%	-8.05%	5,029,922	4,856,090	
VRE	28,000	-5.72%	-5.56%	2,460,820	3,539,395	
VNM	77,200	0.13%	-5.04%	3,055,630	2,941,499	MSN: Năm 2023, WCM dự kiến sẽ đạt doanh thu thuần trong khoảng 36,000 - 40,500 tỷ đồng, tăng 23% đến 38% so với cùng kỳ.
MSN	95,200	-5.84%	-6.67%	1,414,788	1,604,182	
SAB	187,000	-1.06%	0.70%	284,921	263,692	
BVH	50,000	-0.79%	0.20%	2,442,639	2,290,924	BVH: Tổng doanh thu hợp nhất năm 2022 đạt 54,459 tỷ đồng, tăng trưởng 8.1% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất lần lượt đạt 1,988 và 1,604 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch năm. Tổng tài sản hợp nhất tại 31/12/2022 đạt 201,610 tỷ đồng, tăng 18.9% so với cùng kỳ năm trước.
VJC	113,900	-2.06%	-0.52%	474,792	513,355	
FPT	82,000	-1.80%	-2.26%	1,610,808	1,979,508	
MWG	47,100	1.29%	3.29%	10,640,279	11,459,289	
GVR	15,550	-6.89%	-4.60%	4,072,706	5,518,504	
SSI	20,150	-6.71%	-4.95%	38,886,009	50,469,109	
HPG	21,100	-4.52%	-0.24%	73,789,644	87,396,142	

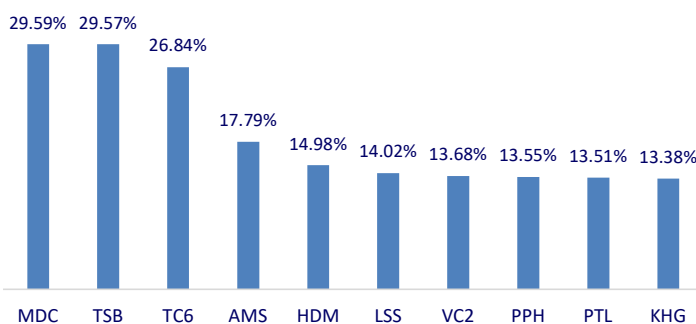
Top CP có tổng giá trị giao dịch cao nhất (tỷ đồng)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên có thanh khoản



Top giảm 3 phiên có thanh khoản

